

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I/2020**

Hải Phòng, ngày 22 tháng 04 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		229,823,822,709	206,759,249,829
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4,356,155,338	5,375,591,215
1. Tiền	111		4,356,155,338	5,375,591,215
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,100,000,000	1,100,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1,100,000,000	1,100,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151,551,189,902	133,461,849,934
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	65,081,161,388	67,699,154,972
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	38,541,988,396	17,770,148,199
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	47,928,040,118	47,992,546,763
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		72,326,231,602	66,644,037,637
1. Hàng tồn kho	141	V.6	72,326,231,602	66,644,037,637
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		490,245,867	177,771,043
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	117,562,866	177,771,043
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.8	372,683,001	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174,793,837,277	174,147,800,974
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22,890,518,343	22,890,518,343
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.9	22,890,518,343	22,890,518,343
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		136,256,394,408	135,454,161,195
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	75,663,580,708	73,300,159,345
<i>Nguyên giá</i>	222		120,570,698,501	115,870,698,501
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44,907,117,793)	(42,570,539,156)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	60,592,813,700	62,154,001,850
<i>Nguyên giá</i>	225		66,644,910,133	66,644,910,133
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(6,052,096,433)	(4,490,908,283)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14,600,000,000	14,600,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	14,300,000,000	14,300,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13	300,000,000	300,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,046,924,526	1,203,121,436
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,046,924,526	1,203,121,436
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		404,617,659,986	380,907,050,803

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	số	minh		
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		189,240,499,539	169,756,994,821
I. Nợ ngắn hạn	310		165,010,053,551	145,468,034,310
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	33,941,763,074	26,945,112,505
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	80,182,879	80,182,879
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	6,833,012,951	5,699,774,324
4. Phải trả người lao động	314	V.18	859,080,776	711,296,181
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	271,793,262	287,772,560
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	303,647,046	411,243,378
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	120,959,847,437	109,571,926,357
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1,760,726,126	1,760,726,126
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24,230,445,988	24,288,960,511
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.23	686,007,266	744,521,789
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24	23,544,438,722	23,544,438,722
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	78,368,374,581	59,061,733,132
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		78,368,374,581	59,061,733,132
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	69,149,922,780	51,591,973,574
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,218,451,801	7,469,759,558
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	383,587,257	403,989
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,927,951,072	1,893,307,831
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,725,037,627	1,893,307,831
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	551,370,556	651,831,018
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	705,871,715	563,121,871
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,416,845,715	4,361,902,827
12. Thu nhập khác	31	VI.7	95,668,950	-
13. Chi phí khác	32	VI.8	183,036,313	116,583,257
14. Lợi nhuận khác	40		(87,367,363)	(116,583,257)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,329,478,352	4,245,319,570
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,102,373,886	871,748,986
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4,227,104,466</u>	<u>3,373,570,584</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>4,017,378,618</u>	<u>3,090,936,923</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>209,725,847</u>	<u>282,633,661</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>223</u>	<u>309</u>

Người lập biểu

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hương

Lập, ngày 22 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4,017,378,618	3,090,936,923
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3,897,766,787	2,056,784,840
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(383,587,257)	(403,989)
- Chi phí lãi vay	06		2,725,037,627	1,893,307,831
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10,256,595,775	7,040,625,605
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18,462,022,969)	(6,332,727,347)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5,682,193,965)	(1,299,270,250)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8,305,309,485	12,431,535,241
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		216,405,087	(353,368,132)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2,725,037,627)	(1,893,307,831)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(43,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8,090,944,214)	9,549,987,286
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4,700,000,000)	(640,832,582)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		383,587,257	403,989
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4,316,412,743)	(640,428,593)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		72,361,592,830	42,431,132,893
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(58,214,039,173)	(46,506,489,055)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2,759,632,577)	(2,809,671,512)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11,387,921,080	(6,885,027,674)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1,019,435,877)	2,024,531,019
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5,375,591,215	2,474,349,410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4,356,155,338	4,498,880,429

Người lập biểu

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hương

Lập, ngày 22 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa
Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa giấy nhãn và giấy bìa;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in, giấy tráng phan;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Giấy, bìa carton, giấy tráng phan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu làm giấy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Máy móc, thiết bị ngành giấy. Thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Pho to, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam	KCN Đông Văn I, thị trấn Đông Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất bột giấy, giấy và bột giấy	80%	80%

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC hợp nhất Quý I năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC hợp nhất năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính .

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là 23.107 VND/USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 10/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 10/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-06

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	02-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

10. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

BCC được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê đất

Là tiền thuê đất trả trước cho khu đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An đến ngày 18/4/2022.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

22. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.757.572.913	1.121.909.984
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.598.582.425	4.253.681.231
<i>Ngân hàng TMCP Bắc Á</i>	1.005.428	1.003.550
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	22.781.086	3.515.421.837
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</i>	43.883.932	12.433.744
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>	738.393.231	87.136.494
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam</i>	1.792.518.748	637.685.606
Cộng	4.356.155.338	5.375.591.215

2. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn(*)	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-
Cộng	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, tổng số tiền gửi là: 1.100.000.000 VND bao gồm 02 sổ tiết kiệm:

Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 6,5%/ năm kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2019.

Tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ngô Quyền số tiền: 500.000.000 đồng, lãi suất 6,4%/ năm, kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày 29/05/2019.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>14.300.000.000</i>	<i>-</i>	<i>14.300.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco(a)	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà(b)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>300.000.000</i>	<i>-</i>	<i>300.000.000</i>	<i>-</i>
Trái phiếu (c)	300.000.000	-	300.000.000	-
Cộng	14.600.000.000	-	14.600.000.000	-

(a) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0700219848 lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 09 tháng 09 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam là 48.000.000.000 VND nâng tỷ lệ sở hữu từ 66,67% lên 80%. Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(b) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108828180 cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà là 14.000.000.000 VND, tương đương 14% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(c) Tiền đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ngô Quyền số tiền: 300.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày 10/07/2019.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	4.514.505.080	12.314.302.085
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Hoàng Hà	4.514.505.080	5.436.542.990
Phải thu các khách hàng khác	60.566.656.308	55.384.852.887
Công ty Cổ phần Bao Bi Phương Bắc	7.167.945.287	6.877.759.095
Công ty TNHH Ngọc Minh Khuê	4.383.088.600	-
Công ty TNHH Thương mại Quân Phong	4.720.319.991	4.352.924.321
Công ty CP Bao Bi Hoàng Hải Việt Nam	5.686.828.235	1.271.838.590
Công ty TNHH Bao bì Quốc Tế B & B	2.906.070.650	3.461.731.800
Công ty Cổ phần tổng công ty DuLico	1.985.461.830	7.366.793.055
Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm	6.148.836.430	12.780.473.910
Công ty Cổ phần giấy Từ Châu	3.425.073.760	4.149.362.400
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Cường Thịnh	4.404.967.600	1.100.028.600
Các khách hàng khác	19.738.063.925	20.901.700.211
Cộng	65.081.161.388	67.699.154.972

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Bảo Trân	1.250.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Palm	17.222.838.952	-
Công Ty TNHH Thương mại Thiên Nhuận Thành Phố Bằng Tường, Quảng Tây	2.678.138.605	2.678.138.605
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Trường Linh	16.578.416.000	12.578.416.000
Các nhà cung cấp khác	812.594.839	2.513.593.594
Cộng	38.541.988.396	17.770.148.199

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

a) Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	21.103.945.206	-	21.434.881.008	-
Phải thu tiền đặt cọc- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy(1)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu tiền đặt cọc- Ông Nguyễn Trần Nhật Đức(2)	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Phải thu tiền đặt cọc- Ông Trần Kim Gia(3)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Phải thu tiền lãi đặt cọc- Ông Trần Kim Gia	103.945.206	-	146.991.781	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	26.824.094.912	-	26.557.665.755	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	326.925.921	-	287.889.227	-
Tạm ứng (4)	10.709.919.585	-	13.239.639.625	-
Phải thu tiền đặt cọc (5) <i>Bà Vũ Thị Hằng</i>	15.787.249.406	-	13.318.026.130	-
<i>Công ty TNHH TM và DV Đức Hạnh</i>	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
<i>Ông Nguyễn Thanh Tùng</i>	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
<i>Ông Phạm Đức Thăng</i>	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
<i>Công ty TNHH Cơ Khí Trường Biết</i>	1.500.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	287.249.406	-	318.026.130	-
Cộng	47.928.040.118	-	47.992.546.763	-

(1) Là khoản đặt cọc để mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để tiếp tục thế chấp tại ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Ngô Quyền theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

(2) Là khoản đặt cọc mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội mang tên bà Trần Thị Thu Phương và Ông Nguyễn Trần Nhật Đức. Khoản đặt cọc để mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, sổ vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức để thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

(3) Là khoản tiền đặt cọc cho ông Trần Kim Gia để nhận quyền định đoạt 2 sổ tiết kiệm 4.000.000.000 VND và 2.000.000.000 VND của ông Trần Kim Gia đang được thế chấp làm tài sản đảm bảo tại ngân hàng BIDV theo biên bản thỏa thuận về việc mượn sổ tiết kiệm thế chấp ngân hàng số 01-BBTT/HNA ngày 20/06/2019 thời hạn đến ngày 01/03/2020 với lãi suất 6,9%/năm và biên bản thỏa thuận về việc mượn sổ tiết kiệm thế chấp ngân hàng số 02-BBTT/HNA ngày 20/06/2019 thời hạn đến ngày 01/05/2020 với lãi suất 7%/năm

(4) Phần lớn là các khoản tạm ứng cho các trạm thu mua giấy phế liệu, phát sinh tạm ứng bổ sung và hoàn ứng bằng nguyên vật liệu liên tục trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (5) Là các khoản đặt cọc cho các cá nhân và tổ chức bao gồm:
- Là khoản đặt cọc mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 279278, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 145.BĐ.2008 288. QĐUB.2008 do Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Địa chỉ số 29 tổ 65 Trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội của Ông Trần Quốc Khánh và Bà Vũ Thị Hằng để tiếp tục thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương- Chi nhánh Thành Công theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.
 - Là khoản đặt cọc cho Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ cơ khí Đức Hạnh theo Hợp đồng mua thiết bị số 1611-2019/TB/ĐH-HH ngày 16 tháng 11 năm 2019 để triển khai thực hiện Hợp đồng. Số tiền này sẽ được trả lại khi hai bên nghiệm thu và thanh toán 95% giá trị Hợp đồng.
 - Là khoản đặt cọc để mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ chung cư số 407-Tòa nhà E2 dự án Ecohome Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội đứng tên sở hữu Nguyễn Thanh Tùng và Nguyễn Thị Hồng để tiếp tục thế chấp tại ngân hàng BIDV – Chi nhánh Thành Đô theo biên bản thỏa thuận về việc đặt cọc tiền mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng số 04-BBTT/HNA ngày 24 tháng 7 năm 2019
 - Là khoản đặt cọc để mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ chung cư số 505-Tòa nhà CT1 nhà ở chung cư N08 thuộc khu tái định cư phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội đứng tên sở hữu Phạm Đức Thăng và Đào Thị Thêm để tiếp tục thế chấp tại ngân hàng BIDV – Chi nhánh Thành Đô theo biên bản thỏa thuận về việc đặt cọc tiền mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng số 03-BBTT/HNA ngày 24 tháng 7 năm 2019.
 - Là khoản đặt cọc cho Công ty TNHH cơ khí Trường Biêt theo Hợp đồng mua thiết bị số 0303-2020/TB-HH ngày 03 tháng 03 năm 2020 để triển khai thực hiện Hợp đồng

b) Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hợp tác kinh doanh - Công ty TNHH				
Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà (*)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.890.518.343	-	2.890.518.343	-
Cộng	22.890.518.343	-	22.890.518.343	-

(*) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2017/HĐHTKD ngày 21/9/2017. Theo đó hai bên hợp tác thực hiện dự án “Mở rộng và chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3 m² tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng”, là đất do Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đứng tên chủ sở hữu. Cụ thể Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng sẽ góp vốn để Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tổ chức triển khai việc mở rộng diện tích thêm phần còn lại của cả Khu đất với diện tích 3.278,6m² và chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, sau đó phân lô, bán nền và thu hồi vốn đầu tư. Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 20.000.000.000 VNĐ tương ứng 45% tổng chi phí của dự án. Khi dự án có doanh thu, Công ty sẽ thu hồi vốn đầu tư tương đương 40% doanh thu thu được hàng tháng và 45% tổng lợi nhuận sau thuế sau khi kết thúc dự án.

Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với 02 công trình trên đất là Nhà kho (DTXD 877,5m²) và Nhà văn phòng, làm việc (DTXD 111,8m²; DTSD 226,8m²) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE792947 ngày 7/2/2018. Văn bản số 470/SXD_QHKT ngày 6/2/2018 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng đã xác nhận khu đất trên được quy hoạch là đất ở. Ngày 22/6/2018 UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3095/VP-ĐC2 gửi Sở Xây dựng và UBND quận Hồng Bàng để kiểm tra cụ thể về nguồn gốc đất đai; Ngày 05/7/2018 UBND quận Hồng Bàng có Văn bản 875/UBND-TN&MT; Ngày 17/7/2018 UBND thành phố

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hải Phòng có Văn bản số 4395/UBND-ĐC2 giao Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo. Ngày 25/7/2018 Sở Xây dựng đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan thống nhất đề nghị UBND thành phố cho phép đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở thương mại, đồng thời có văn bản số 2739/SXD-QHKT ngày 03/8/2018 gửi UBND thành phố Hải Phòng về việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án phát triển nhà tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng. Ngày 28/9/2018, UBND thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 4561/VP-QH gửi Sở Xây dựng về việc kiểm tra sự phù hợp của dự án. Ngày 18/7/2019, UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4296/UBND-XD gửi Sở Xây dựng yêu cầu kiểm tra, đề xuất, báo cáo UBND thành phố. Ngày 06/8/2019, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 3255/SXD-QHKT gửi UBND thành phố Hải Phòng báo cáo về việc đã đưa dự án phát triển nhà tại đường An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng của Công ty vào kế hoạch đề trình duyệt kỳ này. Ngày 16/10/2019, Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3610/VP-XD gửi Sở Xây dựng yêu cầu giải trình, làm rõ một số nội dung đề trình lãnh đạo UBND thành phố xem xét, quyết định. Ngày 04/11/2019, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 4831/SXD-QHKT gửi Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng và ngày 25/11/2019 vừa qua Ban cán sự đảng UBND thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 756/CV-BCS gửi thường trực Thành ủy xin chấp thuận về mặt chủ trương. Đến nay, dự án vẫn đang được Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tích cực phối hợp với các Ban ngành có liên quan triển khai theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	676.817.168	-	676.817.168	-
Nguyên liệu, vật liệu	52.512.542.937	-	49.836.814.413	-
Công cụ, dụng cụ	1.721.030.594	-	1.889.696.847	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.542.941.531	-	3.899.042.023	-
Thành phẩm	13.205.548.484	-	9.088.642.161	-
Hàng hóa	667.350.888	-	1.253.025.025	-
Cộng	72.326.231.602	-	66.644.037.637	-

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hàng tồn kho của công ty không bị suy giảm về chất lượng và công ty cũng không gặp biến động xấu về giá trị thị trường.

7. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	92.710.680	115.240.586
Chi phí bảo hiểm	24.852.186	62.530.457
Cộng	117.562.866	177.771.043

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	344.389.592	387.438.293
Công cụ dụng cụ	259.586.100	295.120.606
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ		
thuê tài chính	270.439.976	301.644.590
Chi phí sửa chữa	63.030.307	70.303.033
Các chi phí trả trước dài hạn khác	109.478.551	148.614.914
Cộng	1.046.924.526	1.203.121.436

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị, số phát sinh trong năm như sau

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	66.644.910.133	(4.490.908.283)	62.154.001.850
Tăng trong năm	-	(1.561.188.150)	(1.561.188.150)
Số cuối kỳ	<u>66.644.910.133</u>	<u>(6.052.096.433)</u>	<u>60.592.813.700</u>

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.865.447.370</i>	<i>3.865.447.370</i>	-	-
Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Hoàng Hà	3.865.447.370	3.865.447.370	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>30.076.315.704</i>	<i>30.076.315.704</i>	<i>26.945.112.505</i>	<i>26.945.112.505</i>
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh	8.198.972.596	8.198.972.596	7.081.112.654	7.081.112.654
Công ty TNHH TM và DV cơ khí Đức Hạnh	5.170.000.000	5.170.000.000	-	-
Công ty TNHH Tư Vấn Sản Xuất Giấy Hoàng Hà	2.512.915.920	2.512.915.920	-	-
Công ty TNHH Sản Xuất Hóa Chất TMDV Gia Định	1.499.695.010	1.499.695.010	-	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Thành Thắng	3.637.952.979	3.637.952.979	3.597.284.800	3.597.284.800
Sampo corporation	1.452.740.245	1.452.740.245	-	-
Long chen paper Japan co., LTD	1.741.289.218	1.741.289.218	-	-
Các nhà cung cấp khác	5.862.749.736	5.862.749.736	16.266.715.051	16.266.715.051
Cộng	<u>33.941.763.074</u>	<u>33.941.763.074</u>	<u>26.945.112.505</u>	<u>26.945.112.505</u>

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một Thành Viên Giao Nhận Topasia	59.336.979	59.336.979
WELL FRESH Co., Ltd	20.845.900	20.845.900
Cộng	<u>80.182.879</u>	<u>80.182.879</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.457.995.575	1.496.351.413	(1.465.486.672)	3.488.860.316
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.114.930.667	(1.114.930.667)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.227.378.749	1.102.373.886	-	3.329.752.635
Thuế thu nhập cá nhân	14.400.000	-	-	14.400.000
Các loại thuế khác	-	6.344.814	(6.344.814)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	186.391.079	(186.391.079)	-
Cộng	<u>5.699.774.324</u>	<u>3.906.391.859</u>	<u>(2.773.153.232)</u>	<u>6.833.012.951</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.9

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	64.084.170	149.299.832
Tiền thuê nhà xưởng	207.709.092	138.472.728
Cộng	<u>271.793.262</u>	<u>287.772.560</u>

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	273.600.000
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	273.600.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	303.647.046	137.643.378
Kinh phí công đoàn	156.261.522	137.643.378
Bảo hiểm xã hội	117.447.842	-
Bảo hiểm y tế	20.726.089	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.211.593	-
Cộng	<u>303.647.046</u>	<u>411.243.378</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	120.959.847.437	120.959.847.437	109.571.926.357	109.571.926.357
Vay ngắn hạn ngân hàng	112.782.985.763	112.782.985.763	98.599.932.107	98.599.932.107
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (a)	31.908.224.997	31.908.224.997	28.610.653.476	28.610.653.476
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b)	1.075.904.500	1.075.904.500	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (c)	22.167.901.586	22.167.901.586	15.909.004.021	15.909.004.021
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (d)	7.642.040.670	7.642.040.670	4.100.099.364	4.100.099.364
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thành đô (e)	49.988.914.010	49.988.914.010	49.980.175.246	49.980.175.246
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	106.499.997	106.499.997	141.999.996	141.999.996
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm	106.499.997	106.499.997	141.999.996	141.999.996
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	8.070.361.677	8.070.361.677	10.829.994.254	10.829.994.254
Cộng	120.959.847.437	120.959.847.437	109.571.926.357	109.571.926.357

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay hạn mức Số: 01/ 2019-HĐCVHM/NHCT168- HHHP ngày 31 tháng 03 năm 2019. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/ 2018-HĐCVHM/NHCT168- HHHP ngày 21 tháng 03 năm 2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng đính kèm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy Kraft các loại theo giấy đăng ký kinh doanh trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức với tổng mức dư nợ vay VND theo Hợp Đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 39.000.000.000 VNĐ. Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức là kể từ ngày 31/03/2019 đến hết ngày 31/03/2020. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi các hợp đồng đảm bảo sau:

(1) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015-TCBĐS-HHHP ngày 02/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 mang tên bà Trần Thị Thu Phương và Ông Nguyễn Trần Nhật Đức.

(2) Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/HĐTC-MMTB ngày 08/09/2014. Tài sản thế chấp là lò hơi công nghệ tăng sôi 9 tấn/giờ.

(3) Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 15/01/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-03/HĐTC/2013 ngày 18/12/2013.

(4) Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 07/01/2013. Tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Kia Forte biển số 30S-5906; đăng ký xe ô tô số 105799 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/07/2009 cho bà Trần Thị Thu Phương.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(5) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/VKT/HĐTC/2012 ngày 24/12/2012. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc trên 8.890 m² đất thuê tại phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng. Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/SD-02/DCMMTB/HĐTC/2012 ngày 18/02/2014.

(6) Hợp đồng thế chấp hàng hóa bổ sung số 01/2014-HĐTCHH ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa được hình thành từ vốn vay đang được đi đường hoặc được giữ tại kho hàng của đơn vị tại số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng hoặc tại bất kỳ kho hàng nào khác (tại hiện tại hoặc tương lai) được sử dụng để chứa hàng hóa được phản ánh trong sổ sách kế toán hoặc chứng từ kho hàng.

+ Các quyền lợi ích của đơn vị phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản đã nêu trên.

+ Tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà đơn vị có thể nhận được sau thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực để mua bán, trao đổi, cho thuê, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ tài sản nào được đề cập nêu trên.

(7) Hợp đồng thế chấp tài sản bổ sung số 01/2014-HĐTCQTS ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là các quyền tài sản của đơn vị từ toàn bộ các khoản phải thu được hình thành từ vốn vay tại mọi thời điểm phát sinh dưới hình thức các Hợp đồng kinh tế và các hình thức ký kết văn bản khác.

(b) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/19/HM/14185005 ký ngày 19/12/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công. Tổng mức dư nợ vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức Cho vay là 25.000.000.000. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo từng thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn Cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CH 565026, số vào sổ cấp GCN CS 09438 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2017, địa chỉ tại căn hộ chung cư số 1606 Nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Chủ sở hữu là bà Trần Thị Thu Phương.

(2) Nhà kho và văn phòng làm việc hình thành trên đất của Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101149782 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2017 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 792947 do Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/11/2016. Trị giá 2.501 triệu đồng.

(3) Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 279278, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 145.BĐ.2008 288. QĐUB.2008 do Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Địa chỉ số 29 tổ 65 Trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Chủ sở hữu là ông Trần Quốc Khánh và vợ là bà Vũ Thị Hằng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở ngày 13/12/2019.

(4) Thế chấp hàng hóa luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐTC-TSBĐS ngày 20/06/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa khách hàng và ngân hàng

(c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2019/7607651 ký ngày 03 tháng 06 năm 2019. Hạn mức tối đa là 25.000.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, mở L/C. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, số vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức.

(2) Tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 30F-23947 nhãn hiệu Mazda loại xe ô tô du lịch 05 chỗ ngồi năm sản xuất 2018.

(d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/422422/HĐTD.TM ngày 10/04/2019, hạn mức tín dụng ngắn hạn tối đa là 50 tỷ đồng, hạn mức tín dụng ngắn hạn này đã bao gồm toàn bộ dư bảo lãnh, dư nợ ngắn hạn, mở L/C theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/422422/HĐTD ngày 22/05/2018, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 10/04/2020, lãi vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Tài sản của bên thứ ba là thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB2359716 tại ngân hàng BIDV, chi nhánh Thành Đô của ông Trần Kim Gia theo hợp đồng cầm cố số 01/2017/422422/HĐBĐ.

+ Tài sản của bên thứ ba là thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAC4196109 tại ngân hàng BIDV, chi nhánh Thành Đô của ông Trần Kim Gia theo hợp đồng cầm cố số 03/2019/422422/HĐBĐ.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại căn hộ chung cư số 505-Tòa nhà CT1, nhà chung cư N08 thuộc khu tái định cư, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 283260, số vào sổ cấp GCN: CS-60779 do Sở tài nguyên và môi trường TP Hà Nội cấp ngày 08/12/2018, đứng tên chủ sở hữu là Ông Phạm Đức Thăng và bà Đào Thị Thêm

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại căn hộ chung cư số 407-dự án Ecohome Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 885678, số vào sổ cấp GCN: CS-49024 do Sở tài nguyên và môi trường TP Hà Nội cấp ngày 26//09/2018, đứng tên chủ sở hữu là Ông Nguyễn Thanh Tùng và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

+ Tài sản của bên thứ ba là 300.000 Cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng thuộc quyền sở hữu của Ông Trần Kim Gia theo hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 04/2019/422422/HĐBĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019.

+ Đảm bảo bằng máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất theo hợp đồng thế chấp chung số 02/2019/422422/HĐBĐ ngày 28/05/2019.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	98.599.932.107	72.361.592.830	(58.178.539.174)	112.782.985.763
Vay dài hạn đến hạn trả	141.999.996	-	(35.499.999)	106.499.997
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	10.829.994.254	-	(2.759.632.577)	8.070.361.677
Cộng	109.571.926.357	72.361.592.830	(60.973.671.750)	120.959.847.437

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	23.544.438.722	23.544.438.722	23.544.438.722	23.544.438.722
Vay dài hạn ngân hàng	11.833.353	11.833.353	11.833.353	11.833.353
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (a)</i>	<i>11.833.353</i>	<i>11.833.353</i>	<i>11.833.353</i>	<i>11.833.353</i>
Nợ thuê tài chính	23.532.605.369	23.532.605.369	23.532.605.369	23.532.605.369
<i>Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (b)</i>	<i>11.528.234.161</i>	<i>11.528.234.161</i>	<i>11.528.234.161</i>	<i>11.528.234.161</i>
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội (c)</i>	<i>12.004.371.208</i>	<i>12.004.371.208</i>	<i>12.004.371.208</i>	<i>12.004.371.208</i>
Cộng	23.544.438.722	23.544.438.722	23.544.438.722	23.544.438.722

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng cho vay số 476-01.16/HĐTDTH/TPBANK.LNH-HHHN ngày 27/01/2016, số tiền vay 710.000.000 VNĐ, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu KIA SORENTO MESCO, BKS: 30E-311.20 theo hợp đồng mua bán xe số 1296/HĐMB-SORENTO MESCO ngày 03/12/2015, thời hạn vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là xe KIA SORENTO BKS: 30E-311.20.

(b) Là khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội cho các tài sản sau:

(1) Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất giấy có giá trị 7.291.715.840 VNĐ (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê là 22/02/2019. Thời hạn thuê: 42 tháng. Lãi suất thuê được xác định theo lãi suất thả nổi lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 1.68%. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

(2) Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất giấy có giá trị 35.290.717.056 (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê là 04/04/2019. Thời hạn thuê: 47 tháng. Lãi suất thuê được xác định theo lãi suất thả nổi lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 1.68%. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

(c) Là khoản nợ thuê tài chính của công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 21719000066/HĐCTTC ngày 19 tháng 04 năm 2019. Tài sản cho thuê là Dây chuyền sản xuất giấy Kraft có tổng giá trị là 28.612.100.000 VNĐ (Đã bao gồm 10% VAT) và cam kết mua lại sau khi kết thúc thời hạn thuê. Lãi suất thuê được cố định 8,5% trong vòng 6 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 7 lãi suất thuê sẽ được thả nổi và xác định bằng: Lãi suất tham chiếu cộng với lãi suất được lựa chọn là 2,6%/năm. Thời hạn thuê là 48 tháng kể từ ngày nhận nợ.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2179000212/HĐCTTC ngày 10 tháng 10 năm 2019. Tài sản cho thuê là Máy ép cọc màng ngăn (ép bùn) có tổng giá trị là 2.114.868.250 VNĐ (đã bao gồm 10% VAT) và cam kết mua lại sau khi kết thúc thời hạn thuê. Lãi suất thuê được cố định 8,5% trong vòng 6 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 7 lãi suất thuê sẽ được thả nổi và xác định bằng: Lãi suất tham chiếu cộng với lãi suất được lựa chọn là 2,6%/năm. Thời hạn thuê là 48 tháng kể từ ngày nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	11.833.353	-	11.833.353
Nợ thuê tài chính	23.532.605.369	-	23.532.605.369
Cộng	23.544.438.722	-	23.544.438.722

16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại tài chính còn phải phân bổ.

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu Quý I năm 2019	100.000.000.000	400.000.000	19.103.211.011	14.525.451.038	134.028.662.049
Tăng vốn từ lợi nhuận	15.000.000.000	-	(15.000.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	65.000.000.000	-	-	-	65.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	14.546.300.012	1.360.555.047	15.906.855.059
Trích lập các quỹ (*)	-	1.043.688.139	(2.283.224.936)	(97.924.329)	(1.337.461.126)
Chia cổ tức, lợi nhuận tại Công ty con(*)	-	-	-	(2.160.000.000)	(2.160.000.000)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích ở Công ty con	-	-	508.481.350	(508.481.350)	-
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	(288.000.000)	-	(288.000.000)
Số dư cuối năm này	180.000.000.000	1.443.688.139	16.586.767.437	13.119.600.406	211.150.055.982
Số dư đầu năm kỳ	180.000.000.000	1.443.688.139	16.586.767.437	13.119.600.406	211.150.055.982
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.017.378.618	209.725.847	4.227.104.465
Số dư cuối năm này	180.000.000.000	1.443.688.139	20.604.146.055	13.329.326.253	215.377.160.447

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

A, Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	10.127	5.722,60

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Doanh thu bán hàng hóa	33.835.814.450	13,466,681,137
Doanh thu bán thành phẩm	44.005.518.527	43,852,949,570
Doanh thu khác	527.041.604	1,742,102,425
Cộng	<u>78.368.374.581</u>	<u>59,061,733,132</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.179.243.186	12,673,980,993
Giá vốn của thành phẩm đã bán	39.648.109.196	37,553,359,400
Giá vốn khác	322.570.398	1,364,633,181
Cộng	<u>69.149.922.780</u>	<u>51,591,973,574</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	825.614	403.989
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	382.761.643	-
Cộng	<u>383.587.257</u>	<u>403.989</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Chi phí lãi vay	2.725.037.627	1.893.307.831
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	202.913.445	-
Cộng	<u>2.927.951.072</u>	<u>1.893.307.831</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Chi phí cho nhân viên	211.792.713	187.013.864
Chi phí vật liệu, bao bì	87.275.607	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	287.879	101.026.754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.674.894	74.892.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.339.463	288.897.974
Cộng	<u>551.370.556</u>	<u>651.831.018</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Chi phí cho nhân viên	293.280.719	273.292.041
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.795.455	14.151.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.885.623	109.885.623
Thuế, phí và lệ phí	197.523.989	65.015.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.385.929	100.776.788
Các chi phí khác	20.000.000	-
Cộng	<u>705.871.715</u>	<u>563.121.871</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Bồi thường hàng không đạt chất lượng	95.668.950	-
Cộng	<u>95.668.950</u>	<u>-</u>

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Thuế chậm nộp	182.391.079	113.425.360
Chi phí khác	645.234	3.157.897
Cộng	<u>183.036.313</u>	<u>116.583.257</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.329.478.352	4.245.319.570
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	182.391.079	113.425.360
Các khoản điều chỉnh tăng	182.391.079	113.425.360
<i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i>	182.391.079	113.425.360
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>5.511.869.431</u>	<u>4.358.744.930</u>
Thu nhập tính thuế	5.511.869.431	4.358.744.930
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.102.373.886</u>	<u>871.748.986</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.017.378.618	3.090.936.923
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.017.378.618	3.090.936.923
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>18.000.000</u>	<u>10.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>223</u>	<u>309</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Quý I năm 2019</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng vốn bằng tiền trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>18.000.000</u>	<u>10.000.000</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm Quý I năm 2020 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hương

Lập ngày 22 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương

